IPA PARTNER

BÁO CÁO THÁNG 10/2026

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LINH HOẠT VND

VNDCF

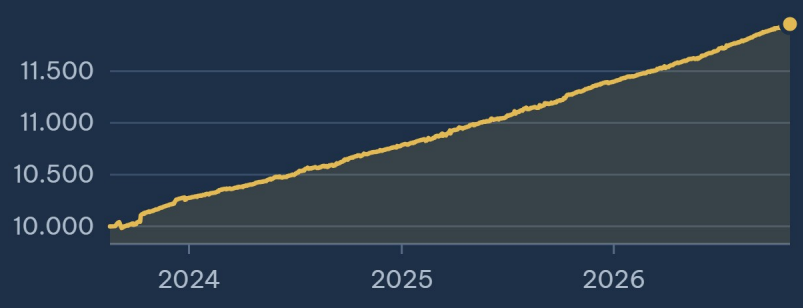
Giá chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ) ngày 31/10/2026

11.955,46 VND

+19,55% từ khi thành lập (18/08/2023)

+4,90% từ đầu năm 2026

Giá CCQ từ khi thành lập (VND)



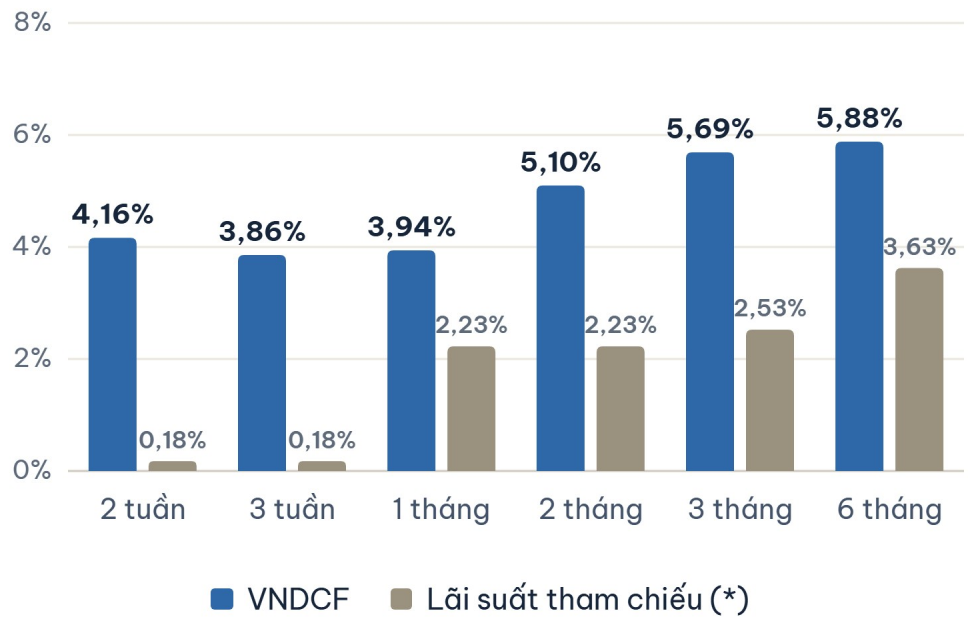
Hiệu quả đầu tư thực tế

Kỳ hạn	2 tuần	3 tuần	1 tháng	2 tháng	3 tháng	6 tháng
NAV/CCQ (VND)	11.925,60	11.918,01	11.903,18	11.841,33	11.772,50	11.595,27
Tăng trưởng NAV/CCQ	0,25%	0,31%	0,44%	0,96%	1,55%	3,11%
Phí bán	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
Thuế thu nhập cá nhân	0,10%	0,10%	0,10%	0,10%	0,10%	0,10%
Lợi suất của NĐT (sau khi trừ thuế và phí)	0,15%	0,21%	0,34%	0,86%	1,45%	3,01%
Lợi suất của NĐT quy năm (sau khi trừ thuế và phí)	**4,16%**	**3,86%**	**3,94%**	**5,10%**	**5,69%**	**5,88%**
Lãi suất tham chiếu (*)	0,18%	0,18%	2,23%	2,23%	2,53%	3,63%

(*) Lãi suất tiết kiệm theo năm trung bình của 4 NH TMCP nhà nước

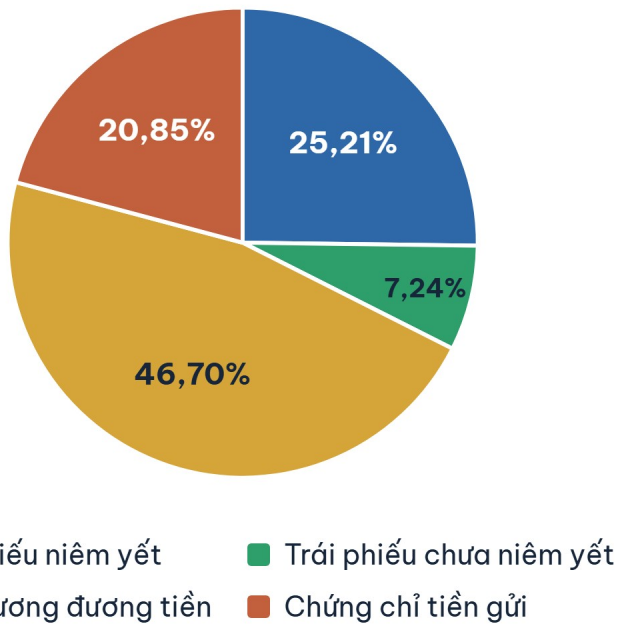
So với lãi suất tham chiếu

Lợi suất của NĐT theo năm, sau khi trừ thuế và phí



Phân bổ tài sản

Tỷ trọng tại ngày 31/10/2026



5 khoản đầu tư lớn nhất

Tổng tỷ lệ nắm giữ: **40,13%**

1	**CVT122009** Công ty Cổ phần CMC Trái phiếu niêm yết	16,32%
2	**NLG12501** Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long Trái phiếu chưa niêm yết	7,24%
3	**EVFCO1125004** Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực Chứng chỉ tiền gửi	6,35%
4	**VHM121025** Công ty Cổ phần Vinhomes Trái phiếu niêm yết	5,69%
5	**EVFCO0926018** Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực Chứng chỉ tiền gửi	4,53%

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LINH HOẠT VND

Diễn biến lãi suất

Lãi suất điều hành của các ngân hàng trung ương lớn

Lãi suất chính sách hiện hành

FED · Mỹ	ECB · Châu Âu	BOE · Anh	BOJ · Nhật Bản	PBOC · Trung Quốc
3,75–4,00%	**2,50%**	**4,00%**	**1,25%**	**3,00–3,50%**
Giữ nguyên (28/10)	Giữ nguyên (29/10)	Tăng 0,25% (05/11)	Giữ nguyên (30/10)	LPR 1 năm - 5 năm
Sau đợt tăng 0,25% T9	LS tiền gửi	Lần tăng đầu sau 3 năm	Có thể lên 1,5% T12	Giữ nguyên 17 tháng

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) giữ nguyên lãi suất ở mức 3,75-4% tại cuộc họp chính sách ngày 27-28/10 sau đợt tăng 25 điểm cơ bản hồi tháng 9. Thông cáo của FED cho biết hoạt động kinh tế đang tăng trưởng vững nhưng lạm phát vẫn ở mức cao so với mục tiêu 2%; Chủ tịch Kevin Warsh tiếp tục hạn chế đưa ra định hướng chính sách. Sau cuộc họp, thị trường định giá khả năng FED tăng lãi suất tại cuộc họp tháng 12 ở mức khoảng 85% (theo CME FedWatch).

Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) ngày 29/10 cũng giữ nguyên các mức lãi suất chủ chốt sau khi tăng lãi suất hồi tháng 9, trong đó lãi suất tiền gửi ở mức 2,5%, lãi suất tái cấp vốn 2,65% và lãi suất cho vay qua đêm 2,9%. Quyết định phù hợp với kỳ vọng của thị trường. Lạm phát tháng 9 tại Eurozone ở mức 3,8%, chủ yếu do giá năng lượng; ECB cho biết không cam kết trước lộ trình lãi suất, nhưng nhiều nhà phân tích cho rằng ECB đang chuẩn bị tăng lãi suất vào tháng 12.

Ngân hàng Trung ương Anh (BOE) quyết định tăng lãi suất cơ bản 0,25% lên mức 4% tại cuộc họp ngày 05/11, lần đầu tiên tăng lãi suất sau ba năm và cảnh báo về một đợt tăng nữa để chống lại áp lực lạm phát do xung đột Trung Đông gây ra. BOE hiện dự báo lạm phát của Anh sẽ tăng lên 4,9% vào giữa năm tới – tăng từ 3,2% trong dự báo kinh tế gần nhất vào tháng 7.

Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) ngày 30/10 giữ nguyên lãi suất tham chiếu ở mức 1,25% phù hợp với kỳ vọng của thị trường. BOJ tuyên bố đã đạt được mục tiêu lạm phát sau 14 năm nỗ lực, đồng thời nhấn mạnh rằng chính sách tiền tệ của Nhật Bản đã bước sang giai đoạn mới, tập trung vào việc ngăn chặn lạm phát vượt quá mức mục tiêu. Ông Ueda cũng cho biết tại cuộc họp cuối cùng của năm 2026 vào tháng 12 tới, hội đồng chính sách tiền tệ của BOJ sẽ đặt trọng tâm vào việc rủi ro lạm phát tăng cao. Tuyên bố này được nhìn nhận là một manh mối cho thấy khả năng cao BOJ sẽ tăng lãi suất chính lên mức 1,5% vào tháng 12.

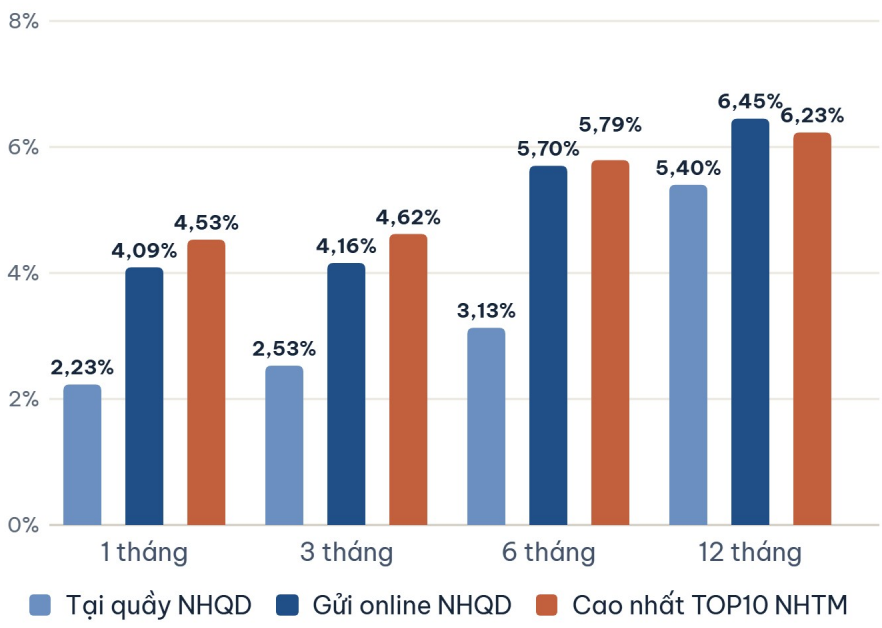
Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) tiếp tục giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản kỳ hạn một năm 3% và lãi suất 5 năm 3,5% trong tháng thứ 17 liên tiếp (kỳ công bố 20/10). GDP quý 3 của Trung Quốc tốt hơn kỳ vọng nhờ xuất khẩu tăng mạnh, làm giảm triển vọng nới lỏng chính sách tiền tệ trong ngắn hạn. PBOC cũng đang xem xét mở rộng các chuẩn lãi suất cho vay, trong đó có lãi suất repo qua đêm.

Lãi suất tiền gửi ngân hàng trong nước

Lãi suất bình quân (%/năm)

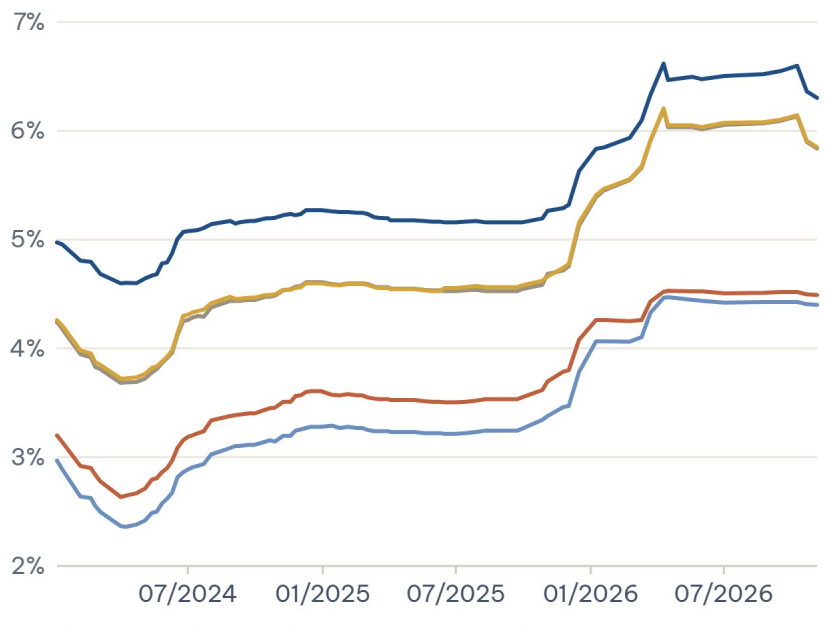
Theo kỳ hạn

Cập nhật 05/11/2026



BQ lãi suất niêm yết tại các NHTM

05/01/2024 – 05/11/2026



Mặt bằng lãi suất huy động niêm yết tại các ngân hàng trong tháng 10/2026 đi ngang trong nửa đầu tháng, sau đó giảm từ ngày 19/10 theo chỉ đạo của NHNN – mức đỉnh kỳ hạn 12 tháng hạ từ 7,5% về khoảng 7%/năm. Tuy nhiên, lãi suất thực tế các ngân hàng chào cho khách hàng VIP/Dealing vẫn cao hơn biểu niêm yết từ 1-3%.

Nửa đầu tháng 10, lãi suất niêm yết gần như không đổi so với cuối tháng 9: hơn 30 ngân hàng giữ nguyên biểu, Sacombank dẫn đầu với 7,5%/năm kỳ hạn 12 và 18 tháng, 7,2%/năm kỳ hạn 6 tháng; LPBank và Saigonbank huy động 7,2%/năm kỳ hạn 12 tháng, còn nhóm NHQD huy động online đồng loạt ở mức 6,6%/năm (6-9 tháng) và 6,8%/năm (12-18 tháng). Từ ngày 19/10, sau cuộc họp của Thống đốc NHNN với các NHTM, yêu cầu giảm tối thiểu 0,5%/năm lãi suất tiền gửi bình quân của các giao dịch phát sinh mới kỳ hạn từ 6 tháng trở lên, làn sóng giảm lãi suất lan rộng: 15 ngân hàng tư nhân giảm luôn 0,5-0,7% lãi suất niêm yết từ 6 tháng trong ngày 19/10; hầu hết các NHTM cổ phần đều điều chỉnh giảm khoảng 0,5% các kỳ hạn từ 6 tháng.

Lãi suất tiền gửi niêm yết tại quầy của các NHQD giảm 0,5% ở các kỳ hạn từ 6 tháng trở lên sau chỉ đạo của NHNN. Cụ thể, kỳ hạn 6-9 tháng giảm từ 3,5% xuống 3%/năm; kỳ hạn 12 tháng giảm từ 5,9% xuống 5,4%/năm; kỳ hạn 24 tháng giảm từ 6% xuống 5,5%/năm. Tuy nhiên, lãi suất thực tế vẫn cao hơn đáng kể, các khách hàng VIP hoặc KHDN có thể gửi tiền tại BIDV/Vietinbank lãi suất lên đến 8-8,3%/năm cho kỳ hạn 12 tháng.

Ở nhóm NHTM cổ phần, cuối tháng 10 mức niêm yết cao nhất kỳ hạn 12 tháng giảm về 7%/năm (MBV, PGBank, Sacombank, VCBNeo, VIB), BVBank 6,9%/năm; Saigonbank niêm yết công khai cao nhất thị trường với 7,9%/năm kỳ hạn 13 tháng. VPB hạ kỳ hạn 6 tháng từ 7% xuống 6,6%/năm; LPB giảm tới 0,6%. Tuy nhiên, thực tế lãi suất huy động các ngân hàng chi trả vẫn cao hơn niêm yết rất nhiều: KH của VPB vẫn gửi được 9,2%/năm kỳ hạn 6-12 tháng; HDB, LPB, SHB cũng điều chỉnh lãi suất tối đa về 9%/năm; STB vẫn đang giữ mặt bằng lãi suất khá cao 9,5%/năm kỳ hạn 12 tháng.